

Bản án số: 53/2020/HSST
Ngày 18 - 11 - 2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY, TỈNH PHÚ THỌ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Lương Viết Tú**

Các hội thẩm nhân dân: Ông **Đỗ Minh Thân**

Ông **Nguyễn Văn Thiệm**

- **Thư ký phiên toà:** Ông **Lê Anh Xuân N**, là Thư ký Toà án của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ tham gia phiên toà:** Bà **Nguyễn Nhân Đạo** - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 11 năm 2020. Tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 49/2020/TLST-HS ngày 02 tháng 10 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2020/QĐXXST-HS ngày 13 tháng 10 năm 2020 đối với các bị cáo:

1. Đỗ Văn T (tên gọi khác: **Cò**), sinh ngày 28/02/1999 tại huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu 1, xã S, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn Chung, SN 1965 và bà Nguyễn Thị Lan, SN 1966; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ từ ngày 28/3/2020, đến ngày 04/4/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Đến ngày 02/7/2020, Đỗ Văn T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Sơn khởi tố bị can về hành vi đánh bạc đồng thời áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam kể từ ngày 02/7/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ. (có mặt)

2. Nguyễn Hồng N, sinh ngày 08/11/1995 tại huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Xóm V, xã Q, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Nguyễn Xuân Huy (đã chết) và bà Đỗ Thị Khuyên, SN 1976; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ từ ngày 28/3/2020, đến ngày 04/4/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ, áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Đến ngày 02/7/2020, Nguyễn Hồng N bị Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Sơn khởi tố bị can về hành vi đánh bạc đồng thời áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giam kể từ ngày 02/7/2020. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ. (có mặt)

3. Trần Mạnh Q, sinh ngày 14/5/1996 tại huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu D, xã L, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự

do; Trình độ văn hoá (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Lượng, SN 1966 và bà Nguyễn Thị Thịnh, SN 1973; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ từ ngày 28/3/2020, đến ngày 04/4/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Bị cáo tại ngoại. (có mặt).

4. Đinh Văn P, sinh ngày 23/9/1993 tại huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu G, xã L, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 7/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Văn Minh, SN 1960 và bà Đinh Thị Chung, SN 1966; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ từ ngày 28/3/2020, đến ngày 04/4/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Bị cáo tại ngoại. (có mặt).

5. Đinh Công Đ, sinh ngày 21/3/2002 tại huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu 21, xã N, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Văn G, SN 1978 và bà Trần Thị Thiện, SN 1979; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị tạm giữ từ ngày 28/3/2020, đến ngày 04/4/2020 được hủy bỏ biện pháp tạm giữ. Bị cáo tại ngoại. (có mặt).

6. Hà Văn G, sinh ngày 24/3/2004 tại huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu M, xã T, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hà Văn Cống (đã chết) và bà Nguyễn Thị Định, SN 1973; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. (có mặt).

7. Hoàng Anh D, sinh ngày 23/12/2002 tại huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu 3, xã N, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 9/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Hoàng Anh Dậu, SN 1981 và bà Đinh Thị Hồng Phúc, SN 1985; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. (có mặt).

8. Đinh Đặng Sỹ H, sinh ngày 27/9/2003 tại huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ; Nơi cư trú: Khu L, xã S, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá (học vấn): 8/12; Dân tộc: Mường; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đinh Văn Hữu (đã chết) và bà Đặng Thị Mai, SN 1982; Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo tại ngoại. (có mặt).

- *Người đại diện theo pháp luật cho bị cáo Hà Văn G*: Bà Nguyễn Thị Định, sinh năm 1973 (là Mẹ của bị cáo G); Địa chỉ: Khu M, xã T, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn G*: Ông Lã Thành Công - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

- *Người đại diện theo pháp luật cho bị cáo Hoàng Anh D*: Bà Đinh Thị Hồng Phúc, sinh năm 1985 (là Mẹ của bị cáo D); Địa chỉ: Khu 3, xã N, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Hoàng Anh D:* Bà Đinh Thị Hạnh - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

- *Người đại diện theo pháp luật cho bị cáo Đinh Đăng Sỹ H:* Bà Đặng Thị Mai, sinh năm 1982 (là Mẹ của bị cáo H); Địa chỉ: Khu L, xã S, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

- *Người bào chữa cho bị cáo Đinh Đăng Sỹ H:* Bà Bùi Thu Hà - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

- *Người bị hại:* Anh Nguyễn Tú A, sinh ngày 20/12/2004; địa chỉ: Khu N, xã S, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

- *Người đại diện theo pháp luật cho anh Nguyễn Tú A:* Bà Đoàn Thị O, sinh năm 1971 (là Mẹ của anh A); Địa chỉ: Khu N, xã S, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ. (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do có quen biết với nhau từ trước nên ngày 07/11/2019, Nguyễn Tú A nhờ Đỗ Văn T đứng ra bảo lãnh cho A vay số tiền 5.000.000đ của đối tượng tên Quang, sinh năm 1992 ở xã S theo thỏa thuận mỗi ngày trả 120.000đ trả trong vòng 50 ngày (số tiền phải trả là 6.000.000đ). A trả được 2 ngày rồi bỏ trốn nên T phải trả nợ thay cho A. Sau đó T nhiều lần liên lạc với A nhưng không được nên đã nhờ Nguyễn Hồng N (là bạn của T) tìm A thì N đồng ý. Trong thời gian này N có biết việc chị Đinh Hồng Nhanh (là bạn của N) từng làm nhân viên phục vụ quán hát Karaoke do Nguyễn Tú A quản lý, hiện vẫn còn giữ liên lạc với A nên N đã nhờ Nhanh tìm giúp A để giải quyết việc riêng thì chị Nhanh đồng ý. Đến 20 giờ 58 phút ngày 27/3/2020, chị Nhanh nhắn tin qua ứng dụng Messenger từ tài khoản Facebook “Moon Láo” của Nhanh đến tài khoản Facebook của N là “N Ngáo” thông báo cho N biết việc anh Lương Thế Nam, sinh năm 1998, ở xã J, huyện Thanh Sơn (là bạn của A) đang nhờ Nhanh quay lại làm nhân viên quán karaoke cho Nam và A ở huyện Thanh Thủy. Thấy vậy, N thông báo lại cho T và bảo T “Lên đi anh em ở tất đây rồi” ý bảo T đến chỗ của N để gặp bắt A rồi buộc A phải trả nợ cho T. Lúc này T đang cùng Hà Văn G uống rượu tại nhà anh Nguyễn Anh Dũng, sinh năm 1992 ở khu 1, xã S nên T rủ G đi cùng thì G đồng ý. Sau đó, T vào trong bếp nhà anh Dũng cầm theo 01 con dao nhọn (loại dao chọc tiết lợn) mang theo rồi điều khiển xe mô tô BKS 19C1-324.76 chở G đến nhà Nguyễn Hồng N. Khi đến nơi, T thấy N cùng Hoàng Anh D, Đinh Công Đ, Đinh Đăng Sỹ H, Vũ Văn Nghĩa đang ngồi uống rượu. T ngồi xuống uống rượu cùng và nói cho mọi người biết việc anh Nguyễn Tú A nợ T 6.000.000đ nhưng không trả mà bỏ trốn rồi rủ mọi người đi cùng T tìm bắt A để đòi nợ thì Hoàng Anh D, Đinh Công Đ, Đinh Đăng Sỹ H, Hà Văn G đồng ý đi cùng T, còn Nghĩa không đi mà ở lại nhà N. Sau đó, N nhờ chị Đinh Hồng Nhanh nhắn tin nhận lời về làm nhân viên cho anh Nam và A để anh Nam bảo A ra đón Nhanh về, lúc đó N sẽ ra gặp A giải quyết việc riêng thì chị Nhanh đồng ý và nhắn tin lại cho anh Nam hẹn khoảng 1 tiếng sau gặp nhau ở cầu Đồng Quang huyện Thanh Thủy để đón chị Nhanh. Sau khi nhận tin nhắn của chị Nhanh, anh Nam gọi điện cho anh Lê Tiến Tài, sinh năm 1999 ở khu 12, xã Đ, huyện Thanh Thủy nhờ Tài và A lên đón chị Nhanh thì Tài và A đồng ý. Về phần N, sau khi chị Nhanh hẹn được A ra cầu Đồng Quang, N bảo Hoàng Anh D cầm

theo 09 xiên nhọn (loại xiên chĩa) để làm hung khí, thấy vậy H mở cốp xe Nghĩa lấy ra 01 gậy rút ba khúc của Nghĩa cầm theo. Do không thông thạo đường ở huyện Thanh Thủy nên T nhờ N rủ thêm người biết đường đi cùng thì N đồng ý và gọi điện cho bạn là Trần Mạnh Q hẹn gặp Q tại quán karaoke 65 ở khu Giếng Ống, xã Thắng Sơn, huyện Thanh Sơn nơi Q đang làm quản lý thì Q đồng ý. Sau đó, N mượn xe mô tô BKS 19C1-336.90 của Nghĩa chở H và Hoàng Anh D còn T điều khiển xe mô tô BKS 19C1-324.76 chở G và Đinh Công Đ ra quán Karaoke 65. Đến khoảng 22h15 phút thì nhóm của T đến quán Karaoke 65, N vào trong quán rủ Q và Đinh Văn P, sinh năm 1993 ở Khu G, xã L, huyện Thanh Sơn đi cùng nhóm của N ra cầu Đồng Quang để bắt anh Nguyễn Tú A đòi tiền nợ giúp T thì Q và P đồng ý. Lúc này N hỏi Q “có đồ không” (ý nói có hung khí không) thì Q trả lời “có”. Thấy vậy, P đi vào trong nhà kho lấy ra 02 bao tải bên trong có 12 con dao ra đưa cho Hoàng Anh D cầm theo để làm hung khí. Đến khoảng 22h30 phút, T xe điều khiển xe mô tô BKS 19C1-324.76 chở G cầm 01 gậy rút 3 khúc và Đinh Công Đ; N điều khiển xe mô tô BKS 19C1-336.90 chở H cầm theo bao tải đựng 04 con dao phóng lộn; Q điều khiển xe mô tô BKS 19T5 - 9520 chở P và Hoàng Anh D cầm theo bao tải đựng 08 con dao bầu đi ra cầu Đồng Quang thuộc địa phận huyện Thanh Thủy. Trên đường ra cầu Đồng Quang, Đỗ Văn T dẫn những người đi cùng “Đã đi đừng có chạy. Phải bắt bằng được A về để trả nợ” thì tất cả mọi người đều đồng ý. Khi đến vòng xuyên cầu Đồng Quang thuộc khu 11, xã Đ, huyện Thanh Thủy, N thấy Nguyễn Tú A đang đứng trong vòng xuyên cùng anh Lê Tiến Tài và Bùi Nguyễn Hoàng Anh, sinh năm 1999 ở khu 12, xã Đ, huyện Thanh Thủy nên đã cùng cả nhóm điều khiển xe máy đến gần. Thấy nhóm của T và N, A liền nhảy ra khỏi vòng xuyên bỏ chạy thì T cầm 01 dao bầu, H cầm 01 dao phóng mũi dao quắm, G cầm theo 01 gậy rút cùng Đinh Công Đ và N dón đuổi theo đánh A. A chạy được khoảng 3m thì vấp ngã xuống đường thấy vậy T cùng N, Đ, G dùng chân tay đánh A, H dùng chuôi dao phóng lộn mũi quắm chọc vào lưng A. Sau đó, T túm cổ áo, cầm dao bầu dí vào mặt A, Hà Văn G xóc nách A dậy cùng T kéo A lên ngồi ở giữa xe mô tô BKS 19C1-324.76 do Đinh Công Đ điều khiển còn T ngồi sau cùng để không cho A chạy. Thấy nhóm của T bắt A đi, anh Lê Tiến Tài, Bùi Nguyễn Hoàng Anh chạy lại can ngăn thì H cùng Đinh Công Đ cầm dao phóng lộn hướng về nhóm Tài đe dọa. Bị đe dọa Tài nói với N “Em của em nợ thì để em trả sao phải bắt nó” rồi xin số điện thoại của N để liên lạc. Sau đó nhóm của T và N đưa A cùng đi đến quán karaoke 65 ở khu Giếng Ống, xã Thắng Sơn, huyện Thanh Sơn.

Về đến quán Karaoke 65, T túm tóc A, lôi vào trong phòng chờ khách của quán và giữ A ngồi ở ghế sofa còn P đi cất hung khí vào nhà kho. Một lúc sau, T gọi A ra trước cửa quán rồi dùng chân đạp vào người A. Đợi đến 22h56 phút không thấy Lê Tiến Tài mang tiền vào, T cầm dao kéo A lên xe mô tô BKS 19C1-324.76 rồi cùng Đinh Công Đ đưa A về nhà T ở khu 1, xã S, huyện Thanh Sơn, còn N điều khiển xe mô tô BKS 19C1-336.90 chở H cầm 01 gậy ba khúc, G và Hoàng Anh D cầm theo 09 xiên nhọn đi đằng sau xe của T. Khi đến bến xe Thanh Sơn, H gọi bạn đưa về nhà. Về đến nhà T, nhóm của T giữ A tại phòng khách rồi đưa điện thoại của Hoàng Anh D cho A mượn để A gọi điện vay tiền trả cho T thì A đồng ý và gọi cho anh Lê Tiến Tài nhờ Tài mang 6.000.000đ vào trả nợ thay cho A. Sau đó, N nói chuyện với Tài và hẹn Tài khi nào đến bến xe Thanh Sơn thì gọi để nhóm N ra đón. Khoảng 1 giờ 30 phút ngày 28/3/2020 Đỗ Văn T cùng Nguyễn Hồng N, Đinh Công

Đ, Hoàng Anh D, Hà Văn G đưa A ra bến xe Thanh Sơn để nhận tiền đồng thời rủ chị Hà Thị Lan, sinh năm 2000 ở xã Xuân An, huyện Yên Lập cùng anh Nguyễn Văn Toàn, sinh năm 1995 ở khu 1, xã S, huyện Thanh Sơn đi ăn đêm với nhóm của T. Đến hồi 01 giờ 45 phút ngày 28/3/2020 khi các đối tượng đưa anh Nguyễn Tú A ra bến xe Thanh Sơn để gặp Tài thì bị Công an huyện Thanh Thủy kiểm tra, phát hiện.

Căn cứ hành vi phạm tội của các đối tượng, ngày 04/4/2020, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã Quyết định khởi tố vụ án hình sự, khởi tố bị can đối với Đỗ Văn T, Nguyễn Hồng N, Đinh Công Đ, Đinh Văn P, Đinh Đặng Sỹ H, Hà Văn G, Hoàng Anh D và Trần Mạnh Q về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” quy định tại Điểm e, Khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Bản cáo trạng số 51/CT-VKSTT ngày 02/10/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ truy tố các bị cáo Đỗ Văn T, Nguyễn Hồng N, Đinh Công Đ, Đinh Văn P, Đinh Đặng Sỹ H, Hà Văn G, Hoàng Anh D và Trần Mạnh Q về tội “Bắt, giữ người trái pháp luật” quy định tại Điểm e, Khoản 2, Điều 157 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

* Căn cứ vào: Điểm e, Khoản 2, Điều 157; Điểm b, s Khoản 1, Điều 51; Điểm o, Khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đỗ Văn T và Nguyễn Hồng N.

* Căn cứ vào: Điểm e, Khoản 2, Điều 157; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đinh Công Đ và Đinh Văn P. Áp dụng thêm Khoản 1, Điều 54 BLHS cho bị cáo P.

* Căn cứ vào: Điểm e, Khoản 2, Điều 157; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2, Điều 51; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Mạnh Q.

* Căn cứ vào: Điểm e, Khoản 2, Điều 157; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2, Điều 51; Điều 91; Điều 98; Điều 100; Khoản 1, Điều 54; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đinh Đặng Sỹ H, Hà Văn G và Hoàng Anh D.

* **Tuyên bố:** Các bị cáo Đỗ Văn T, Nguyễn Hồng N, Đinh Công Đ, Đinh Văn P, Đinh Đặng Sỹ H, Hà Văn G, Hoàng Anh D và Trần Mạnh Q phạm tội “Bắt, giữ người trái pháp luật”.

- Xử phạt bị cáo **Đỗ Văn T** từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù. Được trừ thời gian đã bị tạm giữ là 07 ngày (từ ngày 28/3/2020 đến ngày 04/4/2020). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 02/7/2020.

- Xử phạt bị cáo **Nguyễn Hồng N** từ 30 tháng tù đến 36 tháng tù, Được trừ thời gian đã bị tạm giữ là 07 ngày (từ ngày 28/3/2020 đến ngày 04/4/2020). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 02/7/2020.

- Xử phạt bị cáo **Đinh Công Đ** từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù. Được trừ thời gian đã bị tạm giữ là 07 ngày (từ ngày 28/3/2020 đến ngày 04/4/2020). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo **Đinh Văn P** từ 21 tháng tù đến 24 tháng tù. Được trừ thời gian đã bị tạm giữ là 07 ngày (từ ngày 28/3/2020 đến ngày 04/4/2020). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Xử phạt bị cáo **Trần Mạnh Q** từ 24 tháng tù đến 27 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 48 đến 54 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Thanh Sơn,

tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo **Hà Văn G** từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 tháng đến 42 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo **Hoàng Anh D** từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 36 đến 42 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Xử phạt bị cáo **Đinh Đăng Sỹ H** từ 18 tháng tù đến 21 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là từ 36 tháng đến 42 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

*** Về trách nhiệm dân sự:** Xác nhận các bị cáo Đỗ Văn T, Nguyễn Hồng N, Đinh Công Đ, Đinh Văn P, Đinh Đăng Sỹ H, Hà Văn G, Hoàng Anh D và Trần Mạnh Q đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại là anh Nguyễn Tú A số tiền 6.000.000đ; anh A đã nhận đủ và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm.

*** Về xử lý vật chứng:** Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao nhọn (loại dao chọc tiết lợn) chuôi dao bằng gỗ dài 11cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 23cm, mũi dao nhọn của Đỗ Văn T; 03 gậy tuýp sắt, phía đầu hàn mũi dao nhọn tổng chiều dài mỗi chiếc là 1.23m trong đó phần ống tuýp sắt dài 1m, phần mũi dao nhọn dài 23cm; 01 ống tuýp sắt phía đầu gắn mũi dao quắm có tổng chiều dài 1.12m trong đó phần ống tuýp sắt dài 86cm, phần mũi dao quắm bằng kim loại dài 26cm; 08 con dao có tay cầm bằng gỗ dài 11cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 13cm, mũi dao nhọn của Trần Mạnh Q; 09 xiên nhọn (loại xiên thịt) một đầu uốn cong dài 74cm; 01 thẻ sim số 0386.176.444 của Nguyễn Hồng N.

- Tịch thu bán phát mại sung vào Ngân sách Nhà nước của bị cáo Nguyễn Hồng N 01 điện thoại di động Iphone 6, màu xám.

- Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã trả lại cho các chủ sở hữu các đồ vật, tài sản không liên quan đến tội phạm là hợp pháp.

- Người bào chữa cho bị cáo Hà Văn G, Hoàng Anh D, Đinh Đặng Sỹ H trình bày lời bào chữa:

Đều nhất trí với nội dung bản cáo trạng mà VKSND huyện Thanh Thủy truy tố bị cáo, nhất trí với bản luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị HĐXX xét xử bị cáo mức hình phạt thấp nhất cho các bị cáo cải tạo tại địa phương.

- Tại phiên tòa người bị hại và người đại diện hợp pháp của Người bị hại đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt cho tất cả các bị cáo.

- Các bị cáo Đỗ Văn T, Nguyễn Hồng N, Đinh Văn P, Đinh Công Đ, Đinh Đặng Sỹ H, Hà Văn G, Hoàng Anh D, Trần Mạnh Q đều nhất trí với bản Cáo trạng truy tố và nhất trí với lời luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa, đề nghị HĐXX giảm nhẹ hình phạt và xin được cải tạo tại địa phương.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa, các bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung cáo trạng đã nêu, thừa nhận nội dung cáo trạng truy tố bị cáo là đúng người, đúng tội, không oan sai. Lời khai nhận của các bị cáo tại cơ quan điều tra và lời khai tại phiên tòa hôm nay đều thống nhất với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại và phù hợp với vật chứng đã thu giữ cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy đã có đủ cơ sở kết luận:

Ngày 27/3/2020, tại khu vực vòng xuyên đầu cầu Đồng Quang thuộc địa phận khu 11, xã Đ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ Đỗ Văn T, Nguyễn Hồng N, Đinh Văn P, Đinh Công Đ, Đinh Đặng Sỹ H, Hà Văn G, Hoàng Anh D, Trần Mạnh Q đã có hành vi bắt, giữ anh Nguyễn Tú A nhằm mục đích buộc anh A phải trả số nợ 6.000.000đ cho Đỗ Văn T. Tại thời điểm các bị cáo có hành vi bắt giữ A thì A chưa đủ 18 tuổi. Do vậy hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Bắt, giữ người

trái pháp luật”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm e Khoản 2 Điều 157 Bộ luật hình sự.

Điều 157 Bộ luật Hình sự quy định:

“1. Người nào bắt, giữ hoặc giam người trái pháp luật, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 153 và Điều 377 của Bộ luật này, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...e) Đối với người dưới 18 tuổi, phụ nữ mà biết là có thai, người già yếu hoặc người không có khả năng tự vệ;...”

[2] Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội đã trực tiếp xâm phạm đến quyền tự do thân thể của con người là khách thể được luật hình sự bảo vệ. Việc bắt, giữ người trái pháp luật của bị cáo đã làm ảnh hưởng đến tinh thần, sức khỏe của người khác, ảnh hưởng đến việc duy trì trật tự trị an trên địa bàn. Do vậy cần phải xử phạt nghiêm đối với các bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

[3] Xét nhân thân, vai trò của các bị cáo thấy rằng:

Các bị cáo đều là những người có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự, lần đầu phạm tội. Về vai trò của các bị cáo; bị cáo Đỗ Văn T và bị cáo Nguyễn Hồng N là người có vai trò chính trong vụ án, T và N đã có hành vi bàn bạc, rủ rê các đối tượng khác bắt A để buộc A phải trả số tiền 6.000.000đ. T và N là người trực tiếp lên kế hoạch, chuẩn bị phương tiện, hung khí để thực hiện hành vi phạm tội. Khi gặp A, T và N cùng các đối tượng khác đã có hành vi dùng vũ lực, hung khí để khống chế, uy hiếp, đe dọa làm mất đi ý trí kháng cự của A để buộc A phải đi cùng nhóm các đối tượng.

Đối với các bị cáo Đinh Công Đ, Đinh Đăng Sỹ H, Hà Văn G, Hoàng Anh D, Trần Mạnh Q, Đinh Văn P đều là đồng phạm với vai trò giúp sức. Trong đó Đinh Công Đ, H, G đã có hành vi dùng vũ lực và hung khí đe dọa, khống chế bắt A.

[4] Xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo thấy rằng:

Bị cáo T và N đã có hành vi rủ rê, lôi kéo Hà Văn G, Đinh Đăng Sỹ H và Hoàng Anh D là người dưới 18 tuổi cùng thực hiện hành vi phạm tội. Do đó T và N phải chịu 01 tính tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự “*Xúi giục người dưới 18 tuổi phạm tội*” quy định tại Điểm o, Khoản 1, Điều 52 Bộ luật hình sự. Đối với hành vi đánh bạc xảy ra ngày 27/02/2020 tại khu Đền Vọng, xã Q, huyện Thanh Sơn, xét thấy tại thời điểm T và N thực hiện hành vi phạm tội trong vụ án này, hành vi đánh bạc của T chưa được kết luận bằng một bản án có hiệu lực pháp luật nên không xác định là tình tiết “*Tái phạm*” đối với T và N. Tuy nhiên đây là căn cứ để Hội đồng xét xử đánh giá thái độ chấp hành pháp luật của T và N khi xem xét quyết định hình phạt. Các bị cáo còn lại không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Khoản 1, Điều 52 BLHS.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo đã thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, tỏ rõ thái độ ăn năn hối cải; sau khi sự việc xảy ra các bị cáo đã xin lỗi và bồi thường thiệt hại cho bị hại là anh A số tiền 6.000.000đ, anh A đã có đơn xin miễn, giảm trách nhiệm hình sự cho tất cả các bị cáo. Ngoài ra Đinh Công Đ, P và Q sau khi phạm tội đã chủ động ra đầu thú; Bị cáo Q có bố là thương binh hạng

2/4. Do vậy các bị cáo đều được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại Điểm b, s Khoản 1; Khoản 2, Điều 51 Bộ luật hình sự.

Riêng bị cáo H, G và Hoàng Anh D tại thời điểm thực hiện hành vi phạm tội các bị cáo đều chưa đủ 18 tuổi, do đó HĐXX áp dụng các quy định đối với người dưới 18 tuổi phạm tội khi quyết định hình phạt.

Từ sự phân tích trên, đối chiếu với các quy định của pháp luật xét thấy cần thiết áp dụng hình phạt tù cách ly các bị cáo Đỗ Văn T, Nguyễn Hồng N, Đinh Công Đ, Đinh Văn P ra khỏi đời sống xã hội một thời gian đối với mới đủ điều kiện cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành công dân tốt.

Các bị cáo Đinh Đăng Sỹ H, Hà Văn G, Hoàng Anh D, Trần Mạnh Q chỉ cần áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách thể hiện sự khoan hồng của pháp luật để các bị cáo có cơ hội cải tạo, sửa chữa lỗi lầm trở thành công dân tốt.

[5] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo đều không đảm nhiệm chức vụ gì nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra các bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại là anh Nguyễn Tú A số tiền 6.000.000đ; anh A không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm và đã có đơn xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho các bị cáo, do vậy cần xác nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

Đối với 01 con dao nhọn (loại dao chọc tiết lợn) chuôi dao bằng gỗ dài 11cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 23cm, mũi dao nhọn thu giữ của Đỗ Văn T; 03 gậy tuýp sắt, phía đầu hàn mũi dao nhọn tổng chiều dài mỗi chiếc là 1.23m trong đó phần ống tuýp sắt dài 1m, phần mũi dao nhọn dài 23cm; 01 ống tuýp sắt phía đầu gắn mũi dao quắm có tổng chiều dài 1.12m trong đó phần ống tuýp sắt dài 86cm, phần mũi dao quắm bằng kim loại dài 26cm; 08 con dao có tay cầm bằng gỗ dài 11cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 13cm, mũi dao nhọn thu giữ của Trần Mạnh Q; 09 xiên nhọn (loại xiên thịt) một đầu uốn cong dài 74cm thu giữ của Nguyễn Hồng N. Đây là những hung khí dùng để thực hiện tội phạm nên cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 6, màu xám, lắp sim số 0386.176.444 thu giữ của Nguyễn Hồng N. Xét thấy chiếc điện thoại này N đã dùng liên lạc với chị Nhanh để nhờ chị Nhanh tìm A, là phương tiện trực tiếp liên quan đến tội phạm nên cần tịch thu bán phát mại sung vào Ngân sách Nhà nước. Tiêu hủy thẻ sim số thuê bao 0386.176.444 trên của bị cáo N.

Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã trả lại cho các chủ sở hữu các đồ vật, tài sản không liên quan đến tội phạm, gồm: Trả cho ông Trần Văn Lượng, sinh năm 1966 ở Khu D, xã L, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ 01 xe mô tô Honda màu nâu BKS 19T5-5920; Trả cho bà Hoàng Thị Phẩm, sinh năm 1969 ở Khu L, xã S, huyện Thanh Sơn 01 xe mô tô BKS 19C1-336.90; Trả cho bà Nguyễn Thị Lan, sinh năm 1966 ở thôn Hoàng Trung, xã S, huyện Thanh Sơn 01 xe mô tô Yamaha Sirius màu xám BKS 19C1-324.76; Trả cho bị cáo Đỗ Văn T 01 ví giả da màu đen, bên trong có 01 giấy vay tiền ngày 07/11/2019 người vay là Nguyễn Tú A, 01 chứng minh thư nhân dân số 132329661 mang tên Đỗ Văn T, 01 giấy đăng ký xe mô tô Yamaha Sirius BKS 19C1-324.76 chủ xe là Đỗ Văn T, 01 điện thoại di động Nokia 1034 lắp sim số 0394533646 và 0328196408, 01 điện thoại di động OPPO A5 lắp sim số 0328570276. Việc trả lại tài sản là đúng thẩm quyền nên cần xác nhận.

[8] Đối với Đinh Hồng Nhanh quá trình điều tra thể hiện: Ngày 27/3/2020 Đinh Hồng Nhanh được Nguyễn Hồng N nhờ hẹn Nguyễn Tú A ra cầu Đồng Quang để N gặp A. Khi nhờ chị Nhanh, N không cho chị Nhanh biết mục đích gặp A để làm gì. Do đó, hành vi của chị Nhanh không cấu thành tội phạm.

[9] Đối với Hoàng N Quang quá trình điều tra Nguyễn Tú A khai nhận ngày 07/11/2019, A có vay của Quang số tiền 5.000.000đ theo hình thức đóng lãi 120.000đ/1ngày trong vòng 50 ngày tương đương lãi suất 4.000đ/1.000.000đ/1 ngày. Tuy nhiên tại cơ quan điều tra Quang không thừa nhận hành vi trên, ngoài lời khai của A không còn chứng cứ nào khác chứng minh. Do đó, cơ quan điều tra không có căn cứ xử lý.

[10] Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và được quyền kháng cáo bản án. Những người tham gia tố tụng được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[11] Các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố là hợp pháp. Đề nghị của Kiểm sát viên VKSND huyện Thanh Thủy tại phiên toà hôm nay là có căn cứ và đúng pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào: Điểm e, Khoản 2, Điều 157; Điểm b, s Khoản 1, Điều 51; Điểm o, Khoản 1, Điều 52 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đỗ Văn T và Nguyễn Hồng N.

* Căn cứ vào: Điểm e, Khoản 2, Điều 157; Điểm b, s Khoản 1; Khoản 2, Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đinh Công Đ và Đinh Văn P.

* Căn cứ vào: Điểm e, Khoản 2, Điều 157; Điểm b, s Khoản 1; Khoản 2, Điều 51; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Trần Mạnh Q.

* Căn cứ vào: Điểm e, Khoản 2, Điều 157; Điểm b, s Khoản 1, Khoản 2, Điều 51; Điều 91; Điều 98; Điều 100; Khoản 1, Điều 54; Khoản 1, 2, 5 Điều 65 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo Đinh Đăng Sỹ H, Hà Văn G và Hoàng Anh D.

* **Tuyên bố:** Các bị cáo Đỗ Văn T(tên gọi khác: **Cò**), Nguyễn Hồng N, Đinh Công Đ, Đinh Văn P, Đinh Đăng Sỹ H, Hà Văn G, Hoàng Anh D và Trần Mạnh Q phạm tội “*Bắt, giữ người trái pháp luật*”.

*** Xử phạt:**

- Bị cáo **Đỗ Văn T**(tên gọi khác: **Cò**): **36**(*ba mươi sáu*) tháng tù. Được trừ thời gian đã bị tạm giữ là 07 ngày (từ ngày 28/3/2020 đến ngày 04/4/2020). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tạm giam là ngày 02/7/2020.

- Bị cáo **Nguyễn Hồng N**: **36**(*ba mươi sáu*) tháng tù. Được trừ thời gian đã bị tạm giữ là 07 ngày(từ ngày 28/3/2020 đến ngày 04/4/2020). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giam là ngày 02/7/2020.

- Bị cáo **Đinh Công Đ**: **24**(*hai mươi bốn*) tháng tù. Được trừ thời gian đã bị tạm giữ là 07 ngày(từ ngày 28/3/2020 đến ngày 04/4/2020). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Bị cáo **Đinh Văn P**: **24**(*hai mươi bốn*) tháng tù. Được trừ thời gian đã bị tạm giữ là 07 ngày(từ ngày 28/3/2020 đến ngày 04/4/2020). Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi thi hành án.

- Bị cáo **Trần Mạnh Q**: **24** (*hai mươi bốn*) tháng tù nhưng cho hưởng án treo,

thời gian thử thách là 48 tháng, thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm. Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã L, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Bị cáo **Hà Văn G: 18**(mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã T, huyện Tân Sơn, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Bị cáo **Hoàng Anh D: 18**(mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã N, huyện Yên Lập, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

- Bị cáo **Đinh Đặng Sỹ H: 18**(mười tám) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 tháng thời hạn thử thách tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã S, huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với cơ quan, tổ chức, chính quyền địa phương trong việc giám sát, giáo dục bị cáo.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định của pháp luật về thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* **Về trách nhiệm dân sự:** Xác nhận các bị cáo Đỗ Văn T, Nguyễn Hồng N, Đinh Công Đ, Đinh Văn P, Đinh Đặng Sỹ H, Hà Văn G, Hoàng Anh D và Trần Mạnh Q đã tự nguyện bồi thường cho người bị hại là anh Nguyễn Tú A số tiền 6.000.000đ; anh A đã nhận đủ và không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường gì thêm.

* **Về xử lý vật chứng:** Căn cứ vào Điều 47 Bộ luật hình sự; Khoản 2, 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 con dao nhọn (loại dao chọc tiết lợn) chuôi dao bằng gỗ dài 11cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 23cm, mũi dao nhọn của Đỗ Văn T; 03 gậy tuýp sắt, phía đầu hàn mũi dao nhọn tổng chiều dài mỗi chiếc là 1.23m trong đó phần ống tuýp sắt dài 1m, phần mũi dao nhọn dài 23cm; 01 ống tuýp sắt phía đầu gắn mũi dao quắm có tổng chiều dài 1.12m trong đó phần ống tuýp sắt dài 86cm, phần mũi dao quắm bằng kim loại dài 26cm; 08 con dao có tay cầm bằng gỗ dài 11cm, phần lưỡi dao bằng kim loại dài 13cm, mũi dao nhọn của Trần Mạnh Q; 09 xiên nhọn (loại xiên thịt) một đầu uốn cong dài 74cm; 01 thẻ sim số 0386.176.444 của Nguyễn Hồng N.

- Tịch thu bán phát mại để sung vào Ngân sách Nhà nước của bị cáo Nguyễn Hồng N 01 điện thoại di động Iphone 6, màu xám.

(Vật chứng trên hiện Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy đang quản lý theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/10/2020).

- Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã trả lại cho các chủ sở hữu các đồ vật, tài sản không liên quan đến tội phạm, gồm: Trả cho ông Trần Văn Lượng, sinh năm 1966 ở Khu D, xã L, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ 01 xe mô tô Honda màu nâu BKS 19T5-5920; Trả cho bà Hoàng Thị Phẩm, sinh năm 1969 ở Khu L, xã S, huyện Thanh Sơn 01 xe mô tô BKS 19C1-336.90; Trả cho bà Nguyễn Thị Lan, sinh năm 1966 ở thôn Hoàng Trung, xã S, huyện Thanh Sơn 01 xe mô tô Yamaha Sirius màu xám BKS 19C1-324.76; Trả cho bị cáo Đỗ Văn T 01 ví giả da màu đen, bên trong có 01 giấy vay tiền ngày 07/11/2019 người vay là Nguyễn Tú A, 01 chứng minh thư nhân dân số 132329661 mang tên Đỗ Văn T, 01 giấy đăng ký xe mô tô Yamaha Sirius BKS 19C1-324.76 chủ xe là Đỗ Văn T, 01 điện thoại di động Nokia 1034 lắp sim số 0394533646 và 0328196408, 01 điện thoại di động OPPO A5 lắp sim số 0328570276.

***Về án phí:** Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Điểm a khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Đỗ Văn T, Nguyễn Hồng N, Đinh Công Đ, Đinh Văn P, Đinh Đăng Sỹ H, Hà Văn G, Hoàng Anh D và Trần Mạnh Q mỗi người phải chịu 200.000đ (*hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

*** Về quyền kháng cáo:** Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án Các Bị cáo, Người bị hại, người đại diện hợp pháp cho Bị hại; Người bào chữa cho các bị cáo; được quyền kháng cáo Bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Bị cáo; Người bị hại; Người có QL&NVLQ
- VKSND huyện Thanh Thủy,
- VKSND tỉnh Phú Thọ;
- Công an huyện Thanh Thủy;
- UBND xã nơi bị cáo cư trú (TB);
- Chi cục THADS huyện Thanh Thủy;
- Sở Tư pháp tỉnh Phú Thọ;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Viết Tú